

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **163** /UBND-PTP
V/v báo cáo tình hình 03
năm triển khai thi hành Luật
Tiếp cận thông tin

Chợ Lách, ngày 21 tháng 7 năm 2021

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện công văn số 1270/STP-PB ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre về việc báo cáo tình hình 03 năm triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân huyện; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể huyện; các phòng, ban, ngành huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp báo cáo tình hình thực hiện Luật Tiếp cận thông tin tại cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo bằng văn bản và file điện tử về Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Tư pháp) theo địa chỉ ptp.ubhcl@bentre.gov.vn **trước ngày 28/7/2021** để tổng hợp báo cáo đúng quy định.

(Có Phụ lục Báo cáo kèm theo công văn này)

Để công tác tổng hợp báo cáo được thực hiện đầy đủ và đúng thời gian qui định, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các đơn vị quan tâm, thực hiện công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- NCNC;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

EUU

Trần Văn Dền

PHỤ LỤC
BÁO CÁO TÌNH HÌNH 03 NĂM
TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN
(Từ 01/7/2018 đến hết 30/6/2021)

(Kèm Công văn số /STP-PB ngày tháng năm 2021 của Sở Tư pháp)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP tới cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân tại cơ quan, đơn vị, địa bàn quản lý (nêu rõ số lượng và các hình thức tuyên truyền, phổ biến như: tổ chức hội nghị quán triệt/tập huấn; biên soạn và cung cấp tài liệu tuyên truyền: sổ tay, tờ rơi, tờ gấp, ấn phẩm,...).

2. Kết quả ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP theo thẩm quyền.

3. Kết quả tập huấn, nâng cao trình độ, kỹ năng cung cấp thông tin cho người làm đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị mình (hình thức, số lượng tập huấn).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP

1. Kết quả chung

1.1. Về các thông tin được công khai (loại thông tin được công khai, hình thức, thời điểm công khai...).

1.2. Về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu, cung cấp thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (hình thức cung cấp thông tin; thời gian cung cấp thông tin; việc rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin; việc xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác (nếu có)...).

1.3. Về việc bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp cận thông tin (như bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin; kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu...).

1.4. Về việc bố trí cán bộ đầu mối, nguồn nhân lực bảo đảm phục vụ công tác tiếp cận thông tin (bố trí cán bộ đầu mối ở bộ phận nào của cơ quan, hoạt động chuyên trách hay kiêm nhiệm); lập Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu.

1.5. Về việc ban hành và công bố công khai Quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin (thời điểm ban hành, công khai và kết quả triển khai thực hiện).

1.6. Về việc vận hành Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tiếp cận thông tin (xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan mình); việc duy trì, lưu giữ, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu và kết nối cơ sở dữ liệu với Chuyên mục về tiếp cận thông tin.

1.7. Về việc lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (thời điểm lập, mức độ cập nhật).

1.8. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin (nêu rõ các hình thức cung cấp thông tin thuận lợi và phù hợp với khả năng tiếp cận của người khuyết tật; việc bố trí thiết bị nghe, nhìn và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật của người yêu cầu cung cấp thông tin; việc bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người khuyết tật gặp khó khăn trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc khó khăn trong việc tiếp cận thông tin...).

1.9. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (nêu cụ thể các hình thức cung cấp thông tin phù hợp với các đối tượng và điều kiện tại các khu vực này; việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin tại các khu vực này...).

1.10. Về chi phí tiếp cận thông tin (việc tuân thủ các quy định pháp luật về chi phí tiếp cận thông tin; ban hành văn bản hướng dẫn (nếu có)...).

1.11. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện tiếp cận thông tin (số lượng khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và kết quả giải quyết (nếu có)) và việc xử lý vi phạm (nếu có).

2. Kết quả cung cấp thông tin

2.1. Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin nhận được, trong đó:

a) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin

b) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại các luật khác (theo thủ tục hành chính của từng lĩnh vực, ghi rõ theo quy định tại luật nào)

c) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (nếu có)

d) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin của người nước ngoài

đ) Hình thức yêu cầu cung cấp thông tin (ghi rõ số lượng đối với từng hình thức)

- Trực tiếp tại trụ sở

- Gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin.

e) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ

g) Số lượng yêu cầu bị từ chối cung cấp thông tin (ghi rõ lý do)

2.2. Số lượng cung cấp thông tin theo yêu cầu:, trong đó:

a) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực đất đai

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

b) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực y tế

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

c) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực giáo dục

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

d) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

đ) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

e) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân sách

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

g) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

h) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

i) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực tư pháp

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

k) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực nội vụ

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

1) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực khác.

- Theo Luật tiếp cận thông tin: ...

- Theo thủ tục hành chính có nội dung cung cấp thông tin: ...

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP

1. Đánh giá chung

2. Thuận lợi

3. Khó khăn, vướng mắc

4. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

- Về nhận thức của các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin

- Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Về quy định của pháp luật

- Về vấn đề khác

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan xây dựng, ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về tiếp cận thông tin (Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tư pháp; Ủy ban nhân dân tỉnh...).

- Phạm vi chủ thể cung cấp thông tin đã phù hợp hay chưa? Có cần mở rộng đến các tổ chức có sử dụng tài sản, ngân sách nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, doanh nghiệp nhà nước, các quỹ... hay không?

- Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu đã phù hợp hay chưa? Việc quy định yêu cầu cung cấp thông tin qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp có cần thiết và phù hợp không?

- Về các điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật (cơ sở vật chất, cán bộ làm đầu mối cung cấp thông tin...) ở từng cấp chính quyền địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) đã đáp ứng yêu cầu hay chưa?

2. Đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan thực thi pháp luật về tiếp cận thông tin (các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định của Luật).

3. Đề xuất, kiến nghị khác.